

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Toán ứng dụng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Bùi Văn Định

2. Ngày tháng năm sinh: 21/09/1978; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Giao Hà, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số nhà 56, Ngách 64, Ngõ 193, Đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Bộ môn Toán, Khoa Công nghệ Thông tin, Học viện Kỹ thuật Quân sự. Số 236, Đường Hoàng Quốc Việt, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0904277199;

E-mail: vandinhb@lqdtu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 11,2003 đến tháng, năm 02,2015: Giáo viên tại Bộ môn Toán, Khoa Công nghệ Thông tin, Học viện Kỹ thuật Quân sự

Từ tháng, năm 12,2009 đến tháng, năm 05,2014: Nghiên cứu sinh tại Bộ môn Toán, Khoa Công nghệ Thông tin, Học viện Kỹ thuật Quân sự

Từ tháng, năm 03,2015 đến tháng, năm 08,2016: Nghiên cứu sau tiến sĩ tại Khoa Toán ứng dụng, Đại học Quốc Gia Pukyong, Hàn Quốc

Từ tháng, năm 09,2016 đến tháng, năm 06,2022: Giáo viên tại Bộ môn Toán, Khoa Công nghệ Thông tin, Học viện Kỹ thuật Quân sự

Từ tháng, năm 10,2018 đến tháng, năm 06,2022: Phó Chủ nhiệm Bộ môn tại Bộ môn Toán, Khoa Công nghệ

Thông tin, Học viện Kỹ thuật Quân sự

Từ tháng, năm 02,2021 đến tháng, năm 02,2022: Nghiên cứu sau tiến sĩ do quỹ Nafosted tài trợ tại Phòng Tối ưu và Điều khiển, Viện toán học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Chức vụ hiện nay: Phó Chủ nhiệm Bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Giáo viên

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Toán, Khoa Công nghệ Thông tin, Học viện Kỹ thuật Quân sự

Địa chỉ cơ quan: Số 236 đường Hoàng Quốc Việt, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 069515333

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 20 tháng 07 năm 2000, số văn bằng: C 247550, ngành: Toán học, chuyên ngành: Giải tích; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 26 tháng 02 năm 2004, số văn bằng: A 010122, ngành: Toán học, chuyên ngành: Phương trình vi phân và tích phân; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 20 tháng 03 năm 2015, số văn bằng: 003809, ngành: Toán học, chuyên ngành: Toán ứng dụng; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Học viện Kỹ thuật Quân sự, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Kỹ thuật Quân sự

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu phương pháp giải bài toán cân bằng và các bài toán liên quan đến bài toán cân bằng như: bài toán bất đẳng thức biến phân, bài toán cân bằng hai cấp, bài toán tìm điểm chung của tập nghiệm của bài toán cân bằng với tập điểm bất động của ánh xạ, bài toán cân bằng tách.
- Nghiên cứu một số mô hình toán trong quân sự.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 1 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 5 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 2 cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 20 bài báo khoa học, trong đó 20 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 1, trong đó 1 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Thưởng công trình Toán năm 2020 của Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2010-2020	Viện nghiên cứu cao cấp về Toán - Bộ Giáo dục và Đào tạo	2020
2	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Học viện Kỹ thuật Quân sự	2014
3	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Học viện Kỹ thuật Quân sự	2018
4	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Học viện Kỹ thuật Quân sự	2019

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong thời gian là giảng viên tại Học viện Kỹ thuật Quân sự, tôi đã hoàn thành tốt công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, và các nhiệm vụ khác của một người giảng viên, sĩ quan. Tôi thực hiện tốt nghĩa vụ của công dân và chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Tôi luôn giữ gìn phẩm chất đạo đức và uy tín của nhà giáo, có mối quan hệ tốt với các đồng nghiệp, cộng tác và hỗ trợ các đồng nghiệp trong công tác, nhiệt tình giảng dạy, đối xử công bằng và bảo vệ quyền lợi chính đáng của người học.

Về chuyên môn, mặc dù Toán học không phải là chuyên ngành đào tạo bậc đại học và cao học tại Học viện nhưng tôi đã luôn cố gắng để trau dồi kiến thức, không ngừng học hỏi, và mở rộng kiến thức, nâng cao trình độ. Tôi luôn nỗ lực rèn luyện tác phong khoa học, cũng như tích cực tham gia vào các hoạt động của cộng đồng khoa học như tham dự các hội thảo khoa học, phản biện bài báo cho các tạp chí khoa học khi được mời.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 18 năm 0 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

--

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghệ ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016-2017					450		450/495/280
2	2017-2018	1		2		343		343/343/280
3	2018-2019	1		1		300	120	420/474/272
03 năm học cuối								
4	2019-2020	2		1		75	255	330/391,5/255
5	2020-2021	1		1		225	45	270/282/255
6	2021-2022	1				195	120	315/360/255

() - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.*

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☒; Diễn giải: Sử dụng tốt tiếng Anh để đi học tập, làm sau Tiến sĩ, hợp tác nghiên cứu và dự hội thảo ở các nước Ấn Độ, Hàn Quốc, Nhật Bản. - Tham dự khóa học của CIMPA-UNESCO-INDIA Research School 2013 về chủ đề: Bài toán cân bằng Nash tổng quát, quy hoạch hai cấp và bài toán tối ưu với ràng buộc cân bằng tại Đại học Delhi, Delhi, Ấn Độ từ 25/11/2013 đến 6/12/2013; - Tham dự đại hội quốc tế các nhà toán học năm 2014 (Seoul ICM 2014) tại Trung tâm Hội nghị Coex, Seoul, Hàn Quốc, từ 12/8/2014 đến 24/8/2014; - Nghiên cứu Sau tiến sĩ tại trường Đại học Quốc gia Pukyong, Busan, Hàn Quốc từ 01/03/2015 đến 30/08/2016; - Tham dự và báo cáo tại Hội nghị Châu Á về giải tích phi tuyến và tối ưu lần thứ 5 tại Toki Messe, Niigata, Nhật Bản từ 01/08/2016 đến 06/08/2016; - Nghiên cứu viên tại Viện nghiên cứu Cao cấp về Toán từ 01/10/2021 đến 31/12/2021.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ Toeic 600 tháng 12 năm 2017

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Thanh Hà	X		X		05/2017 đến 05/2020	Học viện Kỹ thuật Quân sự	2022
2	Đỗ Thị Hằng Nga		X	X		12/2017 đến 12/2018	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	18/12/2018

3	Phạm Thị Hồng Duyên		X	X		12/2017 đến 12/2018	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	18/12/2018
4	Nguyễn Thị Sắt		X	X		02/2018 đến 03/2019	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	28/03/2019
5	Trần Thị Như Quỳnh		X	X		12/2019 đến 12/2020	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	28/12/2020
6	Nguyễn Thị Thu Trang		X	X		01/2021 đến 03/2022	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	04/03/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Hàm biến phức và các phép biến đổi	GT	Quân đội Nhân dân, năm 2017	5	VC	(Chương 4, từ trang 122 đến trang 143)	2659/GCN-HV ngày 30 tháng 6 năm 2022

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phản ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Xếp loại KQ
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Kết hợp phương pháp gradient tăng cường và điểm gần kề giải bài toán cân bằng và điểm bất động tách	CN	17.TX.008, cấp Cơ sở	10/01/2017 đến 18/01/2018	18/01/2018/ Xuất sắc

2	Một số điều kiện tối ưu và đối ngẫu kiểu hỗn hợp cho một lớp bài toán tối ưu đa mục tiêu với vô hạn ràng buộc	CN	19.1.006/TX, cấp Cơ sở	05/11/2019 đến 05/11/2020	07/10/2020/ Xuất sắc
---	---	----	------------------------	---------------------------	-------------------------

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Algorithms for a class of bilevel program involving pseudomonotone variational inequalities	2	Có	Acta Mathematica Vietnamica/ISSN: 0251-4184	Có - Scopus IF: IF2013: 0.17; Q4 (Scimago); IF2021: 0.725, Q3 (2021)	7	38, 4, 529-540	08/2013
2	Bilevel optimization as a regularization approach to pseudomonotone equilibrium problems	3	Có	Numerical Functional Analysis and Optimization/ISSN: 0163- 0563	Có - ISI IF: IF2014: 0.808, Q3 (Scimago); IF2021: 1.364, Q2 (2021)	15	35, 5, 539-563	03/2014

3	A projection algorithm for solving pseudomonotone equilibrium problems and it's application to a class of bilevel equilibria	2	Có	Optimization/ISSN: 0233- 1934	Có - ISI IF: IF2015: 0.822, Q2 (Scimago); IF2021: 2.368, Q1 (2021)	21	64, 3, 559-575	03/2015
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
4	Projection algorithms for solving nonmonotone equilibrium problems in Hilbert space	2	Có	Journal of Computational and Applied Mathematics/ ISSN: 0377- 0427	Có - ISI IF: IF2016: 1.718, Q1 (Scimago); IF2021: 2.822, Q2 (2021)	30	302 106- 117	08/2016
5	Extragradient algorithms for equilibrium problem and symmetric generalized hybrid mapping	2	Có	Optimization Letter/ ISSN: 1862- 4472	Có - ISI IF: IF2017: 1.204, Q2 (Scimago); IF2021: 1.577, Q2 (2021)	5	11, 3, 537- 553	03/2017

6	An hybrid extragradient algorithm for variational inequalities with pseudomonotone equilibrium constraints	1	Có	Journal of Nonlinear Analysis and Optimization/ ISSN: 1906-9605	Không - Hệ thống CSDL quốc tế khác		8, 1, 71-83	01/2018
7	Extragradient-proximal methods for split equilibrium and fixed point problems in Hilbert spaces	3	Có	Vietnam Journal of Mathematics/ ISSN: 2305-221X	Có - Scopus IF: IF2017: 0.491, Q3 (Scimago); IF2021: 0.806, Q2 (2021)	5	45, 4, 651-668	12/2017
8	Parallel extragradient algorithms for multiple set split equilibrium problems in Hilbert spaces	2	Có	Numerical Algorithms/ ISSN: 1017-1398	Có - ISI IF: IF2018: 2.167, Q2 (Scimago); IF2021: 2.788, Q1 (2021)	8	77, 3, 741-761	03/2018
9	Strong convergence algorithms for equilibrium problems without monotonicity	4	Có	Journal of Nonlinear Analysis and Optimization/ ISSN: 1906-9605	không - Hệ thống CSDL quốc tế khác		9, 2, 139-150	12/2018

10	Optimization in an asymmetric Lanchester (n, 1) model	5	Không	Journal of Defense Modeling and Simulation: Applications, Methodology, Technology/ ISSN: 1548-5129	Có - Scopus IF: IF2020: 0.939, Q4 (Scimago); IF2021: 0.765, Q4 (2021)		17, 1, 117-122	01/2020
11	An inertial extragradient method for solving bilevel equilibrium problems	3	Không	Carpathian Journal of Mathematics/ ISSN: 1584-2851	Có - ISI IF: IF2020: 2.222, Q1 (Scimago); IF2021: 1.346, Q2 (2021)	1	36, 1, 91-107	01/2020
12	A note on the combination of equilibrium problems	5	Có	Mathematical Methods of Operations Research/ ISSN: 1432-2994	Có - ISI IF: IF2020: 1.2, Q2 (Scimago); IF2021: 1.417, Q2 (2021)	3	91, 2, 311-323	04/2020
13	Mixed type duality for a class of multiple objective optimization problems with an infinite number of constraints	4	Không	Journal of Nonlinear and Convex Analysis/ ISSN: 1345-4773	Có - ISI IF: IF2020: 0.897, Q2 (Scimago); IF2021: 1.028, Q3 (2021)	1	21, 1, 49-61	01/2020

14	The Ishikawa subgradient extragradient method for equilibrium problems and fixed point problems in Hilbert spaces	4	Có	Numerical Functional Analysis and Optimization/ ISSN: 0163-0563	Có - ISI IF: IF2020: 0.96, Q2 (Scimago); IF2020: 1.364, Q2 (2021)	2	21, 1, 49-61	01/2020
15	An inertial multi-step algorithm for solving equilibrium problems	3	Không	Journal of Nonlinear and Convex Analysis/ ISSN: 1345-4773	Có - ISI IF: IF2020: 0.897, Q2 (Scimago); IF2021: 1.028, Q3 (2021)		21, 9, 1981- 1993	09/2020
16	A parallel extragradient subgradient algorithm for common solution of bilevel system of pseudomonotone variational inequalities	3	Có	Journal of Nonlinear and Convex Analysis/ ISSN: 1345-4773	Có - ISI IF: IF2021: 1.028, Q3 (Scimago)		21, 7, 1311- 1325	07/2021
17	Error bounds of regularized gap functions for polynomial variational inequalities	2	Có	Journal of Optimization Theory and Applications/ ISSN: 0022-3239	Có - ISI IF: IF2021: 2.2, Q1 (Scimago)		192, 1, 226- 247	01/2022

18	Weak convergence theorems for a symmetric generalized hybrid mappings and an equilibrium problem	3	Có	Numerical Algebra, Control and Optimization/ ISSN: 2155-3289	Có - Scopus IF: IF2021: 1.35, Q3 (Scimago)		12, 1, 63-78	03/2022
19	Optimizing fire allocation in a Network Centric Warfare-type model	5	Không	Journal of Defense Modeling and Simulation: Applications, Methodology, Technology Journal of Defense Modeling and Simulation: Applications, Methodology, Technology/ ISSN: 1548-5129	Có - Scopus IF: IF2021: 0.765, Q4 (Scimago)			01/2021
20	A modified Solodov-Svaiter method for solving nonmonotone variational inequality problems	3	Có	Numerical Algorithms/ ISSN: 1017-1398	Có - ISI IF: IF2021: 2.788, Q1 (Scimago)			03/2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 12 ([4] [5] [6] [7] [8] [9] [12] [14] [16] [17] [18] [20])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2022

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)